TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 17 - 01 - 2022
V/v ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí

Bà Nguyễn Thị Hòe

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thuận – Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm ly hôn thụ lý số 02/2021/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc "Ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1774/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thúy H, sinh năm 1983

Địa chỉ: 1F, No.11, Ln.165 wananSt, XinZhuang Dist, New TaiPei CiTy 242, TaiWan (Đài Loan); vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Vũ Xuân H và bà Phạm Thị Huyền Tr – Luật sư, Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Đông Dương, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình; ông H có đơn xin xử vắng mặt, bà Tr có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Công C, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai chị Trần Thị Thúy H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H (viết tắt là nguyên đơn) trình bày: Nguyên đơn

là người Việt Nam hiện nay mang quốc tịch Đài Loan và anh Hoàng Công C (viết tắt là bị đơn) yêu nhau hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 03 tháng 3 năm 2016. Sau khi kết hôn nguyên đơn trở lại Đài Loan làm việc, thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc, sau này mâu thuẩn vợ chồng xảy ra trầm trọng, do không tin tưởng lẫn nhau. Vì vậy, nguyên đơn xin được ly hôn bị đơn.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung Hoàng Trần H, sinh năm 2014, hiện đang ở với bị đơn. Do đang ở nước ngoài nên nguyên đơn nhất trí giao cho bị đơn trực tiếp nuôi con, nguyên đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản: Vợ chồng nguyên đơn có 01 nhà cấp 4, diện tích 100m^2; 01 nhà nhỏ rộng 20m^2, xây dựng năm 2017 trên diện tích đất của bố mẹ bị đơn tại thôn 1, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; 01 sổ tiết kiệm 780.000.000 đồng tại Ngân hàng BIDV Phòng giao dịch Bắc Lý, thành phố Đồng Hới - chi nhánh tỉnh Quảng Bình; 01 xe ô tô 7 chổ hiệu KIA, biển kiểm soát 73A – 06867; 01 xe mô tô biển kiểm soát 73B1 – 20031; tiền nguyên đơn gửi cho bị đơn từ ngày 14/4/2016 đến ngày 17/8/2020 là 124.571 USD tương đương 2.865.000.000 Việt Nam đồng. Sau khi ly hôn nguyên đơn đề nghị chia theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng nguyên đơn không nợ gì của ai.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn anh Hoàng Công C trình bày: Bị đơn nhất trí trình bày của nguyên đơn về quan hệ tình cảm, quan hệ về con chung; bị đơn thấy mâu thuẩn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên cũng nhất trí ly hôn. Bị đơn đang trực tiếp nuôi con chung Hoàng Trần H, sinh năm 2014, sau khi ly hôn bị đơn xin được tiếp tục nuôi con và yêu cầu nguyên đơn đóng góp mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành, do nguyên đơn đang ở nước ngoài nên bị đơn đề nghị đóng góp tiền nuôi con một lần. Về quan hệ tài sản, bị đơn nhất trí các loại tài sản như nguyên đơn đã trình bày, trong thời gian chung sống với nhau bị đơn ở nhà nuôi con, còn nguyên đơn lao động tại Đài Loan. Bị đơn có nhận 2.865.000.000 đồng do nguyên đơn chuyển về nhưng bị đơn đã sử dụng số tiền này để xây dựng nhà ở cấp 4 rộng hơn 100m^2 với tổng chi phí 1.500.000.000 đồng; san lấp mặt bằng đất, xây tường rào và làm nhà cấp 4 rộng khoảng 20m^2 với số tiền 200.000.000 đồng; mua xe ô tô 742.000.000 đồng; xe mô tô 60.000.000 đồng; gửi tiết kiệm tại ngân hàng 340.000.000 đồng; số tiền còn lại bị đơn chi tiêu vào sinh hoạt gia đình. Sau khi ly hôn bị đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết để đảm bảo quyền lợi cho bị đơn.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn, đề nghị giải quyết việc nuôi con

chung và tài sản chung. Bị đơn nhất trí việc ly hôn, xin được nuôi con chung, yêu cầu nguyên đơn đóng góp tiền nuôi con một lần và chia tài sản chung hiện có theo quy định.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thu thập tài liệu, chứng cứ thực hiện đúng quy định và đảm bảo quyền lợi của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị Trần Thị Thúy H được ly hôn anh Hoàng Công C; về con chung: Giao cho bị đơn trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Trần H; chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên về việc nguyên đơn đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng 4.000.000 triệu đồng kể từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi cháu H trưởng thành, không chấp nhận yêu cầu đóng góp tiền nuôi con một lần của bị đơn. Về tài sản và nợ: Chia đôi tài sản hiện có của anh chị đã được định giá và hỏa thuận tại phiên tòa; số tiền nguyên đơn gửi về không chứng minh được bị đơn đã nhận nên không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn. Về án phí và chi phí tố tụng buộc nguyên đơn, bị đơn chịu theo quy định của pháp luật, nguyên đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý của đương sự, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Trần Thị Thúy H đang ở nước ngoài, mang quốc tịch Đài Loan làm đơn xin ly hôn anh Hoàng Công C. Theo quy định tại khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

[2] Đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Thúy H đã được Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc, Đài Loan chứng thực hợp pháp hóa lãnh sự. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 1 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Chị Trần Thị Thúy H và anh Hoàng Công C yêu nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình vào ngày 03 tháng 3 năm 2016, đây là hôn nhân hợp pháp, đúng pháp luật. Sau khi kết hôn chị H trở về Đài Loan làm việc nên anh chị thường xuyên sống xa nhau, từ đó phát sinh mâu thuẩn ngày càng trầm trọng, do không tin tưởng lẫn nhau. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị H là đơn xin được ly hôn, anh C cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy

tình cảm vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Thúy H và anh Hoàng Công C.

[4] Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung Hoàng Trần H, sinh ngày 28/6/2014. Sau khi ly hôn bị đơn xin được nuôi con chung, nguyên đơn cũng nhất trí, Hội đồng xét xử thấy nguyên đơn đang ở nước ngoài, căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Hoàng Trần H, sinh ngày 28/6/2014 cho bị đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận, nguyên đơn có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng kể từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi cháu H trưởng thành. Bị đơn yêu cầu nguyên đơn đóng góp tiền nuôi con một lần, nguyên đơn không nhất trí yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận về việc anh chị có các tài sản chung và giá các loại tài sản như sau: 01 nhà cấp 4 rộng khoảng 100m^2 xây dựng năm 2017 có giá trị còn lại 601.380.000 đồng; 01 nhà nhỏ rộng 20m^2, tường rào và tiền san lấp mặt bằng đất hai bên thỏa thuận giá còn lại 80.000.000 đồng; 01 xe ô tô 7 chổ hiệu KIA, biển kiểm soát 73A – 06867 có giá 433.355.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 73B1 – 20031 giá 24.000.000 đồng và tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng 340.000.000 đồng. Nguyên đơn và bị đơn nhất trí giá các loại tài sản trên để chia, không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền định giá lại các tài sản này nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với diện tích đất làm nhà ở, nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận là đất của bố mẹ bị đơn nên không yêu cầu chia, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận bị đơn ở nhà trực tiếp nuôi con, còn nguyên đơn lao động tại Đài Loan, toàn bộ tài sản chung của vợ chồng được tạo lập bởi số tiền do nguyên đơn chuyển về cho bị đơn, do đó nguyên đơn có công sức đóng góp nhiều hơn trong số tài sản chung của vợ chồng, vì vậy cần chia tài sản chung của anh chị theo tỷ lệ nguyên đơn được hưởng 55% giá trị tài sản, bị đơn được hưởng 45% giá trị tài sản. Nguyên đơn đang ở nước ngoài không thể quản lý được các tài sản chung của vợ chồng; Mặt khác, nhà ở làm trên đất của bố mẹ bị đơn, hơn nữa nguyên đơn cũng nhất trí giao toàn bộ tài sản cho bị đơn và yêu cầu bị đơn chuyển tiền chênh lệch tài sản nên Hội đồng xét xử thấy cần giao cho bị đơn được hưởng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng và buộc bị đơn giao tiền chênh lệch tài sản cho nguyên đơn.

[7] Bị đơn anh Hoàng Công C được sở hữu các tài sản sau: 01 nhà cấp 4 rộng khoảng 100m^2 giá 601.380.000 đồng; 01 nhà nhỏ rộng 20m^2, tường rào và tiền

san lấp mặt bằng giá 80.000.000 đồng; 01 xe ô tô 7 chổ hiệu KIA, biển kiểm soát 73A – 06867 giá 433.355.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 73B1 – 20031 giá 24.000.000 đồng và tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng 340.000.000 đồng, tổng giá trị tài sản bị đơn được sở hữu 1.478.735.000 đồng. Theo phân tích tại mục [6] thì bị đơn được hưởng 45% giá trị tài sản với số tiền 665.431.000 đồng, nguyên đơn được hưởng 55% giá trị tài sản với số tiền 813.304.000 đồng. Do đó, buộc bị đơn phải chuyển trả cho nguyên đơn 813.304.000 đồng tiền chênh lệch tài sản.

[8] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn kê khai trong thời kỳ hôn nhân đã gửi cho bị đơn 2.865.000.000 Việt Nam đồng và các loại tài sản như phân tích tại mục [5], trong đó tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng BIDV Phòng giao dịch Bắc Lý, thành phố Đồng Hới - chi nhánh tỉnh Quảng Bình với số tiền 780.000.000 đồng không phải 340.000.000 đồng như bị đơn cung cấp. Tại phiên tòa bị đơn thừa nhận đã nhận tiền do nguyên đơn gửi về như nguyên đơn đã trình bày, nhưng số tiền này dùng để mua, sắm tài sản, làm nhà như các tài sản đã kê khai. Quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không chứng minh được các tài sản chung của vợ chồng được hình thành ngoài số tiền đã gửi cho bị đơn nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[9] Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận không có nợ và không có người nào nợ anh chị nên không yêu cầu xem xét, do đó Hội đồng xét xử không giải quyết.

[10] Quá trình thu thập chứng cứ, theo yêu cầu của nguyên đơn Tòa án đã tiến hành thành lập Hội đồng thẩm định, định giá tài sản chi phí hết 2.600.000 đồng. Do các đương sự không thỏa thuận được về chi phí tố tụng, căn cứ khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự, buộc các đương sự phải chịu chi phí này theo tỷ lệ tài sản được chia, theo đó nguyên đơn phải chịu 1.430.000 đồng , bị đơn phải chịu 1.170.000 đồng; nguyên đơn đã nộp đủ chi phí tố tụng nên buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn

[11] Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưởng nuôi con và 40.665.000 đồng án phí chia tài sản. Bị đơn phải chịu 33.271.000 đồng án phí chia tài sản.

[12] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 479 của Bộ Luật tố tụng dân sự, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273, điểm b khoản 1 Điều 470, khoản 1 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 51, Điều 55, điểm b khoản 2 Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận việc thuận tình ly hôn của chị Trần Thị Thúy H và anh Hoàng Công C.

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị Thúy H và anh Hoàng Công C về việc giao con chung Hoàng Trần H, sinh ngày 28/6/2014 cho anh Hoàng Công C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Trần Thị Thúy H đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng kể từ tháng 01 năm 2022 cho đến khi cháu H đến tuổi trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Xử cho anh Hoàng Công C được sở hữu 01 nhà cấp 4 rộng 100m^2 giá 601.380.000 đồng; 01 nhà nhỏ rộng 20m^2, tường rào và san lấp mặt bằng giá 80.000.000 đồng; 01 xe ô tô 7 chổ hiệu KIA, biển kiểm soát 73A – 06867 giá 433.355.000 đồng; 01 xe mô tô biển kiểm soát 73B1 – 20031 giá 24.000.000 đồng và 340.000.000 đồng tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng. Tổng giá trị tài sản anh Hoàng Công C được sở hữu 1.478.735.000 đồng, nhưng anh C có nghĩa vụ giao cho chị Trần Thị Thúy H 813.304.000 đồng *(tám trăm mười ba triệu, ba trăm linh bốn ngàn đồng chẵn)* tiền chênh lệch tài sản.

4. Chị Trần Thị Thúy H phải chịu 1.430.000 đồng, anh Hoàng Công C phải chịu 1.170.000 đồng chi phí tố tụng. Do chị H đã nộp đủ toàn bộ chi phí tố tụng nên anh C có nghĩa vụ trả lại cho chị H 1.170.000 đồng.

5. Chị Trần Thị Thúy H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo định và 40.665.000 đồng án phí chia tài sản, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0001729 ngày 07/01/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình; chị H còn phải nộp 40.965.000 đồng án phí. Anh Hoàng Công C phải chịu 33.271.000 đồng án phí chia tài sản.

Tuyên bố: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho anh Hoàng Công C có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/01/2022. Chị Trần Thị Thúy H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghĩa